TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 27- 01- 2022
V/v ″ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Văn và bà Đinh Thị Tin
- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Dương Thị G, sinh năm 1990
ĐKHKTT: Khu dân cư P, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986
Nơi cư trú tại: Khu dân cư P, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương
(Chị G có mặt, anh S vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Dương Thị G trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng (nay là phường Thất Hùng) vào ngày 16-5-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân anh S chơi bời, không chịu làm ăn lại sa đà vào nghiện ma túy, không lo toan kinh tế gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra

cãi nhau, không còn hạnh phúc. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không nghe. Anh S đã từng đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện, không thay đổi. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2019. Anh S có đến nói chuyện với chị để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng chị không về. Do vậy kể từ đó đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-11-2011 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11-11-2016. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng chị ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai cháu. Chị tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm nhân viên bán thuốc tây cho cửa hàng bán thuốc, hàng tháng thu nhập ổn định khoảng từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng. Chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở cũng như chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Do vậy chị đủ điều kiện để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung : Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, giao giấy triệu tập và thông báo hòa giải cho anh Nguyễn Văn S là bị đơn nhưng chỉ giao được cho ông Nguyễn Văn B là bố đẻ của anh nhận thay. Anh S đã có đơn trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại đơn đề nghị ngày 17-12-2021 của anh Nguyễn Văn S trình bày như sau:

Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 307 ngày 15-12-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị G được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thất Hùng vào ngày 16-5-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, không còn hạnh phúc. Chị G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 đến nay. Anh đã nhiều lần đến khuyên giải động viên chị về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Do vậy kể từ đó đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị G xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-11-2011 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11-11-2016. Hiện nay cả hai cháu

đều đang ở cùng với chị G. Nay vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao con cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Vì hiện nay anh chưa có nghề nghiệp ổn định để nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Dương Thị G có mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án. Anh S vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-11-2011 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11-11-2016 cho chị Gđược tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Gtự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Dương Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị G và anh Nguyễn Văn S được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thất Hùng (nay là phường Thất Hùng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Anh S lại không tu chí làm ăn lo toan cho kinh tế gia đình. Thực tế anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, chị G và anh S cùng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Giang, xử cho chị được ly hôn anh S là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-11-2011 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11-11-2016. Chị Gvà anh S đều có nguyện vọng tiếp tục giao cả hai cháu cho chị Gđược nuôi dưỡng. Cháu T có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng với mẹ. Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-11-2011 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11-11-2016 cho chị Dương Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị G tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh S cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Dương Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24-11-2011 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11-11-2016 cho chị Dương Thị Gđược trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật

cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị G tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị G phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001083 ngày 15-12-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND phường Thất Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt